

SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY VÀ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TRONG GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI HÀM Ý ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

GS, TS VŨ DƯƠNG HUÂN

Học viện Ngoại giao

Ngày nhận:

28-4-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

5-5-2025

Ngày duyệt đăng:

15-5-2025

Tóm tắt: Đường lối đối ngoại Việt Nam trong gần 40 năm đổi mới được khởi xướng tại Đại hội VI (1986) của Đảng, từng bước bổ sung, hoàn thiện qua các kỳ Đại hội tiếp theo. Phát triển tư duy đối ngoại, đặc biệt về bối cảnh quốc tế và yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước chính là nhân tố quyết định ảnh hưởng đến hoạch định đường lối đối ngoại. Bài viết tập trung phân tích quá trình phát triển tư duy đối ngoại dưới tác động của bối cảnh quốc tế cùng với quá trình xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, đồng thời gợi mở về hàm ý cho đường lối đối ngoại của Việt Nam trong kỷ nguyên mới đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

Từ khóa:

Phát triển tư duy; đường lối đối ngoại; Việt Nam; gần 40 năm đổi mới; đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

1. Quá trình phát triển tư duy của Đảng về đường lối đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở (1986-1990)

Đại hội VI (1986) của Đảng khởi đầu quá trình đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới về đường lối đối ngoại. Trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình quốc tế, Đại hội nhận định: các lực lượng của thời đại không ngừng mạnh lên và rõ ràng đang ở thế chủ động tiến công. Lực lượng mọi mặt của hệ thống XHCN do Liên Xô làm trụ cột, ngày

càng được tăng cường. Hệ thống XHCN tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu mọi mặt của cộng đồng XHCN là nhân tố quyết định thắng lợi của CNXH trong cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị- xã hội đối lập trên thế giới¹. Đại hội xác định nhiệm vụ đối ngoại là: “*ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương,*



Hội thảo khoa học quốc gia: “Công tác lý luận của Đảng và những định hướng nghiên cứu quan trọng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, ngày 17-3-2025 (Ảnh: TTXVN)

tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”²; “Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học- kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại”³. Điểm mới trong đường lối đối ngoại của Đảng là chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, mở rộng quan hệ với tất cả các

nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại... Sở dĩ có được điểm mới trong đường lối đối ngoại là do Đảng đã nhận thức được xu thế mới như: cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, thúc đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất, hình thành một thị trường thế giới. Hai hệ thống kinh tế đấu tranh với nhau quyết liệt, song cũng tất yếu phải hợp tác với nhau. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống. Giữa các chế độ xã hội khác nhau, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn là thi đua về kinh tế và lối sống⁴. Bên cạnh đó, Đảng cũng rút ra bài học về tập hợp lực lượng, khi nhấn mạnh phải biết “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức

ạnh của thời đại trong điều kiện mới”⁵.

Đại hội cũng nhận thấy “xu thế mở rộng của phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁶. Đại hội quyết định: “sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... làm tròn nghĩa vụ quốc tế”⁷.

Đại hội VI của Đảng là bước đột phá về đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng. Sự đổi mới tư duy này về tình hình thế giới đã đặt cơ sở cho việc hoạch định đường lối đối ngoại phù hợp hơn, là bước khởi đầu đổi mới tư duy về quan hệ chính trị quốc tế.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13/NQ-TW “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới”. Từ đánh giá tình hình quốc tế, chiến lược của các nước lớn, vị trí của nước ta trên trường quốc tế, Nghị quyết khẳng định cần có quan điểm mới về an ninh và phát triển, ưu tiên tập trung cho sự nghiệp giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế. Mục tiêu đối ngoại là giữ vững hòa bình, tranh thủ các điều kiện bên ngoài thuận lợi và tranh thủ thời gian tập trung cố gắng tới mức cao nhất nhằm từng bước ổn định và tạo cơ sở cho bước phát triển kinh tế trong vòng 20-25 năm tới, xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Đây là mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của toàn Đảng và toàn dân Việt Nam; không để các vấn đề cục bộ, tạm thời (các vấn đề tồn tại giữa nước ta với Trung Quốc, ASEAN, Mỹ...) làm chệch hướng mục tiêu cơ bản và lâu dài. Nghị quyết số 13/NQ-TW thể hiện đổi mới tư duy ở nhiều vấn đề cốt lõi của đường lối đối ngoại như

đánh giá tình hình thế giới và quan hệ quốc tế, nhất là các xu thế, về mục tiêu đối ngoại, quan hệ giữa an ninh và phát triển, tập hợp lực lượng, làm nghĩa vụ quốc tế... Đây mới thực sự là bước ngoặt cơ bản trong đường lối đối ngoại đầu thời kỳ đổi mới.

Tháng 3-1989, HNTU 6 khóa VI của Đảng ra nghị quyết tiếp tục quán triệt chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, tích cực tham gia vào phân công lao động quốc tế. Để tăng cường công tác kinh tế đối ngoại, Nghị quyết nhấn mạnh cần “chuyển mạnh sang hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước”⁸.

Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế (1991-2001)

Đại hội VII (1991) của Đảng nhận định quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc không chỉ có tính ý thức hệ, mà còn mang tính phổ quát; trong thế giới phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ thì nhu cầu hợp tác giải quyết các vấn đề toàn cầu là tất yếu. Trong điều kiện đó, tư duy bạn, thù theo tiêu chí ý thức hệ không còn phù hợp mà mềm dẻo, linh hoạt hơn. Từ đó, Đảng chủ trương: “giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”⁹; “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”¹⁰. Đồng thời, Đảng cũng khẳng định phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình độc lập và phát triển”¹¹.

Đường lối đối ngoại của Đảng tại Đại hội VII có những nét mới sau:

Thứ nhất, “*Tạo môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, kinh tế và an ninh quốc gia, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hóa dân tộc*”¹².

Thứ hai, nhấn mạnh tinh thần “*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”¹³.

Thứ ba, khẳng định mạnh mẽ “*chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình*”¹⁴.

Thứ tư, “*sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới*”¹⁵.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VII, trong bối cảnh các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại hòa bình; giữa các quốc gia nổi lên cuộc cạnh tranh mạnh mẽ về kinh tế, một trong những nhân tố quyết định thành bại và địa vị hơn kém của mỗi nước, HNTU 3 khóa VI (6-1992) của Đảng xác định tư tưởng và phương châm chỉ đạo hoạt động đối ngoại: “- Tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại là: giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí và hoàn cảnh của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có thể quan hệ; - Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; - Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường trong khi đẩy mạnh đa phương hóa,

đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; - Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với mọi đối tượng; - Tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước”¹⁶.

Phân tích xu thế phát triển của thế giới, Đại hội VIII (1996) của Đảng nêu rõ: “*Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới. Các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia; các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt. Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập, chủ quyền và nền văn hóa dân tộc. Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình*”¹⁷. Từ đánh giá trên, Đại hội xác định: “*Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình độc lập và phát triển. Hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng*”¹⁸.

So với Đại hội VII, Đại hội VIII của Đảng có một số điểm mới như sau: *Một là*, ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng; *Hai là*, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; *Ba là*, mở

rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; *Bốn là*, mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân và các tổ chức phi chính phủ; *Năm là*, xúc tiến tham gia APEC và WTO; *Sáu là*, thử nghiệm tiến tới đầu tư ra nước ngoài.

Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế (2001-2011)

Trên cơ sở tổng kết 15 năm đổi mới và khẳng định tiếp tục sự nghiệp đổi mới với chiến lược CNH, HĐH đất nước, đồng thời, phân tích các xu thế, đặc điểm thế giới, Đại hội IX (2001) của Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”¹⁹. Đây là lần đầu tiên Đảng đặt vấn đề xây dựng “quan hệ đối tác” trong đường lối đối ngoại. Đại hội IX của Đảng chuyển từ “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” tại Đại hội VII sang “Việt Nam sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Như vậy, từ chỗ bảo vệ các lợi ích chính đáng của dân tộc sang vừa giữ vững mục tiêu vừa tham gia một cách chủ động vào các diễn đàn quốc tế. Cũng lần đầu tiên Đảng khẳng định chủ trương “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế”²⁰. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế, nêu các quan điểm chỉ đạo, nhất là quan điểm: “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối

đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế” và các nhiệm vụ, biện pháp.

Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (7-2003) của Đảng ra Nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, thể hiện nhận thức mới của Đảng về đối tác, đối tượng. Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Bất kể lực lượng nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của cách mạng Việt Nam đều là đối tượng đấu tranh. Đây là quan điểm mới về bạn thù.

Đại X (2006) của Đảng nhân mạnh xu thế toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, đang bị một số nước phát triển chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực và tiêu cực, vừa có hợp tác và đấu tranh; hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Đại hội xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”²¹.

Như vậy, Đại hội X của Đảng đã bổ sung phát triển đường lối đối ngoại trên một số nội dung sau: *Thứ nhất*, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ bổ sung thêm cụm từ: “hòa bình, hợp tác và phát triển”; *thứ hai*, coi đa dạng hóa, đa phương hóa là đặc trưng của chính sách đối ngoại rộng mở; *thứ ba*, bổ sung từ “tích cực” hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác; *thứ tư*, tiếp tục thực hiện “đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác

và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế”, và quyết tâm “Đưa quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững”²².

Hoàn thiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc (2011-2013)

Báo cáo của Chính trị tại Đại hội XI (1-2011) phân tích: “... bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường... hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo... có thể gia tăng... Toàn cầu hóa về kinh tế tiếp tục phát triển... với những tác động tích cực và tiêu cực... Kinh tế tri thức phát triển mạnh... nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia”²³. Về bối cảnh trong nước: “Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới”²⁴. Từ tình hình trên, Đại hội xác định đường lối đối ngoại: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”²⁵.

Đường lối đối ngoại của Đại hội XI của Đảng có bổ sung, đáng chú ý là có một số điểm mới:

Một là, mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”. Lần đầu tiên Đảng khẳng định lợi ích quốc gia - dân tộc vừa là mục tiêu và cũng là nguyên tắc trong đường lối đối ngoại Việt Nam. Đó chính là sự phát triển tư tưởng lớn về đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như người đã từng nói tại Hội nghị ngoại giao lần thứ ba, ngày 14-1-1964: “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích dân tộc mà làm”²⁶. Lợi ích quốc gia - dân tộc là nhân tố quyết định trong hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia. Đây còn là vấn đề quan tâm

Đại hội XIII của Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

của các nước trên thế giới, không chỉ ở hiện tại mà còn trong lịch sử phát triển của các nhà nước phương Tây. Ngoại trưởng Anh quốc, và sau đó đã hai lần làm Thủ tướng Henry Palmerton (1784-1865) khi phát biểu tại Hạ viện Anh quốc tháng 3-1848 đã nói một câu kinh điển nổi tiếng: “Không có đồng minh vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn. Chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn và nhiệm vụ của chúng ta là theo đuổi những lợi ích đó”²⁷. *Hai là*, nếu như Đại hội X mới chỉ đặt vấn đề tích cực, chủ

động hội nhập quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác, thì đến Đại hội XI, Đảng nhấn mạnh: *chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*. Nghĩa là hội nhập toàn diện, bên cạnh hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập cả quốc phòng - an ninh và văn hóa xã hội. *Ba là*, Đại hội XI bổ sung cụm từ “thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, khẳng định sự

hội nhập có trách nhiệm của nước Việt Nam. *Bốn là*, Đại hội XI nhấn mạnh: “Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh”²⁸. *Năm là*, “triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế”²⁹.

Đại hội XII (2016) của Đảng bổ sung: “Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ... Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp... Cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn... Châu Á- Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động...”³⁰. Từ nhận định trên, Đại hội đề ra đường lối đối ngoại: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế...; nâng cao vị thế, uy tín đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”³¹.

Đại hội XIII (2021) của Đảng đánh giá những nét mới của bối cảnh quốc tế: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ phức tạp, quyết liệt; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ; Châu Á - Thái Bình Dương có vị trí chiến lược trong cạnh tranh nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn... và xác định mục tiêu phát triển của Việt Nam đến năm 2030 và năm 2045, Đại hội khẳng định tiếp tục “Thực hiện nhất quán

đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”³².

Đường lối đối ngoại được khởi xướng tại Đại hội VI của Đảng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện qua các kỳ Đại hội tiếp sau và Đại hội XIII của Đảng đã cơ bản hoàn chỉnh đường lối đối ngoại. Đường lối đối ngoại đó được xây dựng khoa học, phù hợp với thực tiễn khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn. Trong đó mục tiêu của đường lối đối ngoại vì “lợi ích quốc gia - dân tộc”³³ là nội dung không thay đổi như thành tố độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ. Việc xác định mục tiêu của chính sách giúp làm sáng rõ các bước thực hiện chính sách. Thông thường chính sách đối ngoại của một quốc gia có 3 mục tiêu là: an ninh, phát triển và ảnh hưởng. Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã tổng kết: “Bất kỳ một quốc gia nào dù lớn hay nhỏ bao giờ cũng nhằm phục vụ ba mục tiêu cơ bản là mục tiêu an ninh (góp phần bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ); mục tiêu phát triển (tranh thủ ngoại lực và tạo dựng điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước); và mục tiêu ảnh hưởng (góp phần nâng cao địa vị quốc gia, phát huy tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế). Ba mục tiêu này gắn kết với nhau mật thiết, không thể tách rời và phản ánh lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc. Những mục tiêu trên là bất biến, song nội dung cụ thể và

nhất là phương pháp tiến hành để đạt được mục tiêu ấy không phải lúc nào cũng tĩnh và chuyển hóa theo thời gian, tùy thuộc vào diễn biến của lịch sử”³⁴. Mục tiêu này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra trong bài nói chuyện các nhà ngoại giao, tháng 1-1964; lần đầu tiên được Đại hội XI của Đảng khẳng định và tiếp tục được đưa vào Văn kiện Đại hội XII, XIII của Đảng.

Cùng với mục tiêu, nguyên tắc của đường lối đối ngoại cũng được Đảng xác định ổn định suốt thời kỳ đổi mới với 3 nguyên tắc cơ bản: i) Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc. Đây là nguyên tắc chính sách đối ngoại, đồng thời cũng là mục tiêu chính sách đối ngoại Việt Nam; ii) Các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng cùng có lợi; iii) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước. Nhiệm vụ, phương châm và phương hướng đối ngoại được điều chỉnh theo từng giai đoạn lịch sử.

2. Hàm ý cho đường lối đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 chính là “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ

nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”³⁵.

Để đạt được mục tiêu, trong thời gian tới cần chú trọng một số nội dung sau:

Một là, điều chỉnh đường lối đối ngoại Việt Nam cho phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới. Với mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam sẽ trở thành cường quốc tầm trung. “Cường quốc tầm trung là một quốc gia có tầm vóc, khả năng và vị thế ở mức trung bình cao, có lợi ích quốc gia trong việc duy trì sự ổn định và điều chỉnh có trật tự của hệ thống quốc tế thông qua việc thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và sẵn sàng đóng vai trò như là chất xúc tác, điều phối và quản lý trong quan hệ quốc tế”³⁶. Đối chiếu với các tiêu chí cường quốc tầm trung: sức mạnh - năng lực; ảnh hưởng quốc tế; bản sắc quốc gia; tự khẳng định mình và công nhận quốc tế, từ nay đến 2030-2045 Việt Nam có thể trở thành cường quốc tầm trung về sức mạnh kinh tế³⁷.

Việt Nam hoàn toàn có thể tin rằng đất nước sẽ phấn đấu đạt được mục tiêu phát triển mà Đại hội XIII của Đảng đặt ra. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm, Đảng có tầm nhìn mới: phấn đấu kinh tế phát triển 2 con số. Trong 4 nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) nêu ra và Đại hội XIII nhắc lại, Đảng đặt trọng tâm vào xử lý nguy cơ “tụt hậu xa hơn về kinh tế”, vì kinh tế là nhiệm vụ “trung tâm”³⁸ và đây là giai đoạn nước rút. Từ yêu cầu phát triển kinh tế 2 con số, Đảng ra Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22-12-2024, “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”³⁹, “là lựa chọn bắt buộc, là con

đường duy nhất để đưa đất nước phát triển và nâng cao đời sống cho nhân dân”⁴⁰, đồng thời, khởi động một cuộc cách mạng tái cấu trúc bộ máy hành chính quốc gia, sát nhập tỉnh, bỏ cấp trung gian, dỡ bỏ cản trở cho phát triển. Tiếp đó, ngày 28-2-2025, Bộ Chính trị quyết định miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên cả nước⁴¹, là khoản đầu tư thông minh cho tương lai, sẽ tạo ra nguồn nhân lực chất lượng. Tiếp tục đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí có thêm nguồn lực cho phát triển. Ngày 4-5-2025, Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW “Về phát triển kinh tế tư nhân”, khẳng định quan điểm chỉ đạo: “Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia”, hiện đóng góp 51% GDP, để khơi dậy mọi nguồn lực cho phát triển... Đặt trọng tâm vào vấn đề kinh tế, Đảng có những giải pháp khoa học, thông minh và triển khai rất quyết liệt để huy động, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển.

Hai là, trên cơ sở mục tiêu phát triển của đất nước đã được xác định, muốn hoạch định đúng, trúng đường lối đối ngoại phải thường xuyên đổi mới tư duy về bối cảnh quốc tế, về ngoại giao theo kịp thời cuộc.

Ba là, xây dựng chiến lược ngoại giao quốc gia tầm trung. Đặc biệt coi trọng ngoại giao kinh tế phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế liên tục 2 con số.

Bốn là, nhiệm vụ ngoại giao trong kỷ nguyên mới phải là “một nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, phát huy vai trò tiên phong, cùng với quốc phòng, an ninh thực hiện nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phải là cầu nối kết hợp nội lực với ngoại lực, tranh thủ được điều kiện thuận lợi và nguồn lực bên ngoài, góp phần mở rộng không

gian phát triển, kiến tạo cơ hội mới, phục vụ đắc lực cho các đột phá chiến lược của đất nước; quảng bá hình ảnh, giá trị Việt Nam ra thế giới, nâng tầm đóng góp của Việt Nam đối với các vấn đề chung của quốc tế”⁴².

Năm là, về phong cách, ngoại giao phải thực hiện cho được chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm: “tự tin, tự lực, tự cường và tự hóa dân tộc” và “tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại”⁴³.

Xây dựng, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là một quá trình và đi liền với đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng, đặc biệt về đánh giá/dự báo bối cảnh quốc tế. Đại hội VI của Đảng đã khởi xướng sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới về đường lối đối ngoại Việt Nam. Trải qua 8 kỳ Đại hội đến Đại hội XIII đường lối đối ngoại từng bước được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Thời kỳ từ năm 2026 đến năm 2045 là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đường lối đối ngoại Việt Nam cần kế thừa những thành tố không thay đổi (lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết; độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; các nguyên tắc đối ngoại Việt Nam), đồng thời bổ sung thành tố mới: ngoại giao cường quốc tầm trung.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr. 366-367, 433, 415, 368-370, 364, 364, 364

8. *Sđđ*, 2006, T. 49, tr. 527

9, 10, 11, 12, 13, 14, 15. *Sđđ*, 2007, T. 51, tr. 113-114, 114, 49, 91, 49, 114, 115

16. Hồng Hà: “Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng ta”, Tạp chí *Cộng sản*, số 12-1992

17, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2015, T. 55, tr. 364, 400

19, 20. *Sđđ*, 2016, T. 60, tr. 206, 147

21, 22. *Sđđ*, 2018, T. 65, tr. 209, 210

23, 24, 25, 28, 29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 95-98, 95, 235-236, 237, 322

26. Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, H, 1994, tr. 10

27. Michel G.Roskin: *National Interest: From Abstraction to Strategy*, The US Army War College Quarterly: Parameters, Volume 24, No.1, 1994, p.1

30, 31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 70-73, 153

32, 33, 38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG-ST, H, 2021, T. 1, tr. 161-162, 161, 110

34. Vũ Khoan: “An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (12), tr. 3

35, 43. Tổng Bí thư Tô Lâm: “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-viet. Truy cập ngày 1-11-2024

36. Đỗ Thị Thùy (Chủ biên): *Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, Nxb CTQG-ST, H, 2021, tr. 65

37. Theo nhiều dự báo của quốc tế ví dụ như: IMF dự báo, đến năm 2028, GDP của Việt Nam có thể đạt khoảng

628 tỷ USD, sẽ vượt Thái Lan (624 tỷ USD) để trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và lớn thứ 32 trên thế giới. Theo dự báo của Trung tâm dự báo, phân tích kinh tế độc lập của Anh (CEBR), đến năm 2029, với quy mô GDP dự kiến đạt 676 tỷ USD, Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 33, đuổi kịp Thái Lan (676 tỷ USD) và vượt các nền kinh tế khác trong khu vực ASEAN như Singapore (656 tỷ USD), Malaysia (594 tỷ USD). Đến năm 2034, với GDP dự kiến đạt 983 tỷ USD, quy mô kinh tế của Việt Nam sẽ vượt Thái Lan (848 tỷ USD) để trở thành nền kinh tế lớn thứ 27 trên thế giới. Và vào năm 2039, CEBR ước tính, quy mô kinh tế của Việt Nam có thể đạt 1.410 tỷ USD. Với thành tựu này, Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 25, vượt qua các nền kinh tế khác trong khu vực ASEAN như Thái Lan (1.059 tỷ USD), Singapore (982 tỷ USD), Malaysia (1.055 tỷ USD) để lọt nhóm 25 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Xem: Kim Ngân: “Tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam đạt 7,09%”, <https://thuonggiaonline.vn/tang-truong-gdp-nam-2024-cua-viet-nam-dat-709-post557019.html>. Truy cập ngày 6-1-2025

39. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-quyet-57-NQ-TW-2024-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-637245.aspx>

40. Tổng Bí thư Tô Lâm: *Phát biểu tại phiên họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghe báo cáo chuyên đề về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo*, <https://tienphong.vn/tong-bi-thu-to-lam-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-la-con-duong-duy-nhat-de-dua-dat-nuoc-phat-trien-post1730151.tpo>. Truy cập ngày 1-4-2025

41. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/ho-tro-phap-luat-bo-chinh-tri-quyet-dinh-mien-hoc-phi-cho-hoc-sinh-pho-thong-cong-lap-200013-203477.html>

42. Nguyễn Xuân Thắng: “Đối ngoại phải toàn diện, tiên phong, kiến tạo cơ hội mới, phục vụ đắc lực cho các đột phá chiến lược trong kỷ nguyên mới”, <https://baohinhphu.vn/doi-ngoai-phai-toan-dien-tien-phong-kien-tao-co-hoi-moi-phuc-vu-dac-luc-cho-cac-dot-pha-chien-luoc-trong-ky-nguyen-moi-102250307220004515.htm>. Truy cập 7-3-2025.